TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 36

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 52,6 …… 52,60

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Số thập phân gồm 6 đơn vị, 5 phần mười và 4 phần nghìn viết là:

A. 6,54 **B.** 6,0504 **C.** 6,504 **D.** 60,504

Câu 3. 3,346 × 10 = ……

A. 3346 **B.** 0,3346 **C.** 334,6 **D.** 33,46

Câu 4. Kết quả của phép tính 2/5 + 7/9 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 14/45 **B.** 6/5 **C.** 53/45 **D.** 9/14

Câu 5. 5 tấn 924 kg = …… tấn

A. 50,924 **B.** 5,924 **C.** 6,924 **D.** 5,0924

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 10 cm, chiều cao 10 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 100 cm² **B.** 50 cm² **C.** 40 cm² **D.** 20 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 10,318; 10,3; 10,806; 10,2; 10,4.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 46,69 …… 46,78

b) 2,8 …… 2,80

c) 2 tấn 500 kg …… 2,5 tấn

d) 5 ha …… 500 000 m²

Bài 3. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 5/9 × 1/8 = ……

b) 5/12 − 1/9 = ……

c) 11/10 + 1/2 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 8 cm = ……. m

b) 4 kg 23 g = ……. kg

c) 8 km² = ……. ha

d) 7800 m² = ……. ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 8 cm: ……. cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 8 cm: ……. cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 26 dm: ……. dm

Bài 6. Một tổ may cắt 7 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,2 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: ……. m

b) Số tiền phải trả: ……. đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 36

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	D	C	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 10,2 < 10,3 < 10,318 < 10,4 < 10,806

a) 10,2

b) 10,806

c) 10,318

d) 10,806 + 10,2 = 21,006

Bài 2.

a) 46,69 < 46,78

b) 2,8 = 2,80

c) 2 tấn 500 kg = 2,5 tấn

d) 5 ha < 500 000 m²

Bài 3.

a) 5/9 × 1/8 = 5/72

b) 5/12 − 1/9 = 11/36

c) 11/10 + 1/2 = 8/5

Bài 4.

a) 3,08

b) 4,023

c) 800

d) 0,78

Bài 5.

a) 8 × 2 × 3,14 = 50,24

b) 8 × 8 × 3,14 = 200,96

c) 26 × 3,14 = 81,64

Bài 6.

Số vải: 3,2 × 7 = 22,4 (m)

Số tiền: 80 000 × 22,4 = 1 792 000 (đồng)